

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2021

Hải Phòng, tháng 3 năm 2022

Số: 08 /BCTN-DVP

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Thường niên năm 2021

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
: Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:0200511481
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng)
- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3.769.992
- Số fax : 0225.3.769.992
- Website: dinhvuport.com.vn
- Mã cổ phiếu: DVP

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

+ Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ chính thức đi vào hoạt động.

+ Ngày niêm yết: Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:

- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mã chứng khoán: DVP
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu
- + Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỉ đồng).

- Các sự kiện khác:

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình vũ chính thức được đưa vào khai thác.

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Nâng tổng số chiều dài cầu lên 425m.

Các thành tích đạt được trong năm 2021:

- Top 5 Công ty khai thác Cảng uy tín do Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam xếp hạng;

- Top 100 Sao vàng Đất Việt do Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam đánh giá xếp hạng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
3	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5	Cung ứng lao động tạm thời	7820
6	Bốc xếp hàng hóa	5224
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản (bao gồm kinh doanh nhà, cho thuê kho, bãi, cho thuê văn phòng)	6810

8	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuê hải quan - Dịch vụ nâng cầu hàng hoá - Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa - Dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải - Dịch vụ môi giới thuê tàu biển - Dịch vụ logistics - Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển) - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm dịch vụ vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung) 	5229
9	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá 	8299
10	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng (bao gồm phụ gia xi măng, clinker) - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí, tôn mạ màu 	4663
11	<p>Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét</p>	0810
12	<p>Chuẩn bị mặt bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - San lấp mặt bằng 	4312
13	<p>Phá dỡ</p>	4311
14	<p>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</p>	5210
15	<p>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn 	5510

3201
 CC
 ĐÀ
 HÁT
 Đ
 31A

	- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)	5610
17	Đại lý du lịch	7911
18	Điều hành tua du lịch	7912
19	Xây dựng nhà để ở	4101
20	Xây dựng nhà không để ở	4102
21	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV	4221
22	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thuỷ lợi	4222
23	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
26	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
27	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4211
28	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	4212
29	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá; Cho thuê thiết bị vận tải đường thuỷ không kèm người điều khiển	7730

H | T | R | S | P | B | H

30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
32	Cho thuê xe có động cơ	7710
33	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Vận tải hành khách bằng taxi	4931
34	Vận tải hành khách đường bộ khác: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh - Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
35	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
36	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
39	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn đồng, chì, nhôm, inox	4662
41	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
42	Tái chế phế liệu: - Phá hủy tàu	3830

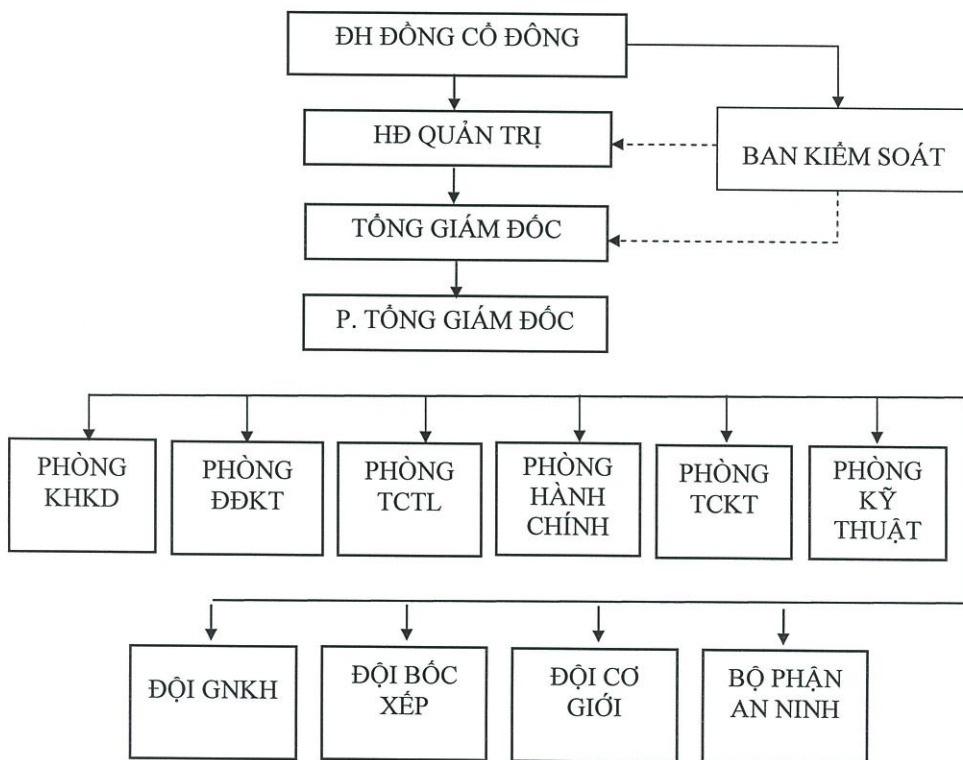
- Địa bàn kinh doanh: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

3.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc Công ty.

3.3 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.4 Công ty liên kết:

3.4.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng

- Lĩnh vực kinh doanh chính:

+ Dịch vụ giao nhận

- + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức
- + Vận tải đường bộ
- + Bãi container và kho
- + Container hàng hóa đóng gói, khai thác kho CFS
- + Khai thác kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không
- + Dịch vụ sửa chữa container
- + Dịch vụ Hải quan
- Vốn điều lệ thực góp: 123.627.173.950 đ
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC- Đình Vũ: 49%

3.4.2 Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - + Bốc xếp hàng hóa
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
 - + Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương
- Vốn điều lệ thực góp: 13.680.000.000 đ
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty cổ phần Tiếp vận Đình Vũ: 45,6%

4. Định hướng phát triển

Năm 2021 dịch Covid 19 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, thương mại và đời sống của cả thế giới, sự ùn tắc tại các cảng biển lớn ở Mỹ, Châu Âu và Trung quốc do bị phong tỏa, thiếu lao động... làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy gây nên khủng hoảng thiếu tàu và vỏ container, đẩy giá cước vận chuyển container tăng bình quân gấp tới 5 – 6 lần so với giá cước trước đại dịch. Ở Việt Nam, dịch bệnh cũng ảnh hưởng nặng làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lưu thông hàng hóa bị gián đoạn. Tuy nhiên nhờ Chính phủ và cả nước quyết liệt



chống dịch nên từ quý IV kinh tế dần được hồi phục, nhờ vậy GDP vẫn tăng gần 3%.

Riêng với ngành vận tải biển, do giá cước quốc tế tăng cao, nhu cầu vận chuyển đường biển tăng nên hoạt động của các doanh nghiệp vận tải biển và Logistics vẫn đạt kết quả tốt. Hoạt động của Công ty cũng được hưởng lợi từ xu thế chung này, nhờ vậy lợi nhuận cả năm 2021 đã tăng 11,25% so với kế hoạch.

Năm 2022, theo đánh giá chung của hầu hết các công ty tư vấn vận tải lớn trên thế giới thì tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, đặc biệt là thiếu hụt năng lực vận chuyển container sẽ còn tiếp tục kéo dài. Vì vậy Công ty đã xác định định hướng phát triển trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu mạnh để giữ vững và mở rộng thị phần của Công ty.
- Phối hợp với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.
- Tập trung tìm kiếm các cơ hội để đầu tư cơ sở hạ tầng kho bãi và depot ở khu vực ngoài cảng.
- Về nhân lực, tập trung tuyển nhân sự trẻ, chất lượng cao để tối đa hóa khả năng tìm người phù hợp và đạt được hiệu quả cao nhất cho Công ty.

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ kho bãi, logistics.

a. Tăng trưởng kinh tế Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,58%, thấp hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Giãn cách xã hội kéo dài trong quý 3/2021 tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương đã khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tổng sản phẩm trong nước giảm 6,2% so với cùng kỳ - mức giảm sâu nhất kể từ trước tới nay.

Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển, kho bãi và logistics, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại trong nước và quốc tế. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng không những phản ánh tình hình sản

100
C
Đ
PHÁT
Đ
IAN

xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển trung và dài hạn.

b. Lạm phát Năm 2021, chỉ số giá tiêu dùng (CPI – Consumer Price Index) tăng 1,84% - mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016 tới nay và lạm phát cơ bản tăng 0,81% so với năm trước.

Đối với doanh nghiệp dịch vụ cảng, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu - những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

5.2 *Rủi ro về Pháp luật*

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định Pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

5.3 *Rủi ro đặc thù ngành*

a. Rủi ro ngành

- Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí và chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ... Tính sơ bộ năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đạt mức 668,5 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 336,25 tỷ USD, nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 khôi phục vị thế xuất siêu 4 tỷ USD sau nhiều tháng nhập siêu, dù vậy vẫn giảm mạnh so với mức 19,95 tỷ USD trong năm 2020.

- Trong thời gian qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn của chính sách biên mậu với Trung Quốc, là thị trường xuất nhập khẩu chủ chốt của Việt Nam. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ Trung Quốc trong mỗi

giai đoạn ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Ban Điều hành Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

b. Rủi ro giá nhiên liệu

- Do hoạt động ngành giao thông vận tải và giao nhận hàng hóa nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tăng giảm giá nhiên liệu. Tuy nhiên do xăng dầu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, Công ty chỉ có thể điều chỉnh giá dịch vụ một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

c. Rủi ro cạnh tranh

- Sau khi cảng Lạch Huyện được đưa vào khai thác đã tạo ra sức ép cạnh tranh đối với hệ thống các cảng khu vực Đình Vũ, Bạch Đằng, Sông Cấm, Sông Tranh nói chung và đối với cảng Đình Vũ nói riêng.

- Công ty đang phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh về giá giữa các cảng trong khu vực Hải Phòng. Các doanh nghiệp cùng ngành sẵn sàng giảm sâu giá hoặc chấp nhận lỗ để thu hút khách hàng. Đây chính là những thách thức lớn và rủi ro trong cạnh tranh đối với cảng Đình Vũ trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên Ban Điều hành Công ty đã thấy rõ các thách thức này và đã chủ động tăng cường hợp tác chặt chẽ với các hãng tàu/ khách hàng, chủ động có những chính sách linh hoạt, phù hợp, kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để duy trì các tuyến dịch vụ nhằm đảm bảo nguồn hàng, ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

- Bên cạnh việc duy trì dịch vụ khai thác cảng, Công ty đã triển khai hoạt động kinh doanh khai thác Depot tại khu công nghiệp Minh Phương nhằm cung cấp các dịch vụ lưu container rỗng, lưu hàng hóa, bảo dưỡng sửa chữa container... nhằm khép kín quy trình cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng và hãng tàu với giá cả cạnh tranh.

d. Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh

- Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết, dịch bệnh để lập phương án ứng phó kịp thời.

- Thành lập các ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, An ninh cảng biển; Đội Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Hội đồng BHLĐ; Đoàn kiểm tra công tác ATVSLĐ...

- Xây dựng các phương án Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu... tổ chức diễn tập định kỳ theo quy định của Pháp luật.

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, .. việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn vệ sinh lao động.

57
G
H
U
N
I
V
H

- Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

- Thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

- Đầu tư thiết bị sử dụng công nghệ tái tạo năng lượng, hướng đến sử dụng năng lượng sạch.

- Thực hiện ký hợp đồng bảo hiểm cho các phương tiện, thiết bị xếp dỡ chính của Công ty.

- Đại dịch Covid - 19 vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều biến thể mới tại nhiều nước, ảnh hưởng sâu rộng đến các nền kinh tế trên Thế giới trong đó có Việt Nam. Chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu bị đứt gãy, gián đoạn. Để hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tham gia trong chuỗi cung ứng không bị biến động, Công ty đã có những biện pháp phòng chống dịch có hiệu quả, an toàn cho người lao động yên tâm công tác: tổ chức tiêm vắc xin sớm cho CBNV, thực hiện tốt 5K, các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế, thành phố trong từng thời kỳ. Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid - 19, Tổ phản ứng nhanh, test nhanh kháng nguyên định kỳ cho CBNV, có phương án sử dụng lao động hợp lý trong thời gian chống dịch.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện năm 2021 (%)	
			Năm 2020	TH/KH 2021
- Sản lượng Container (teu)	586.000	601.096	107,58	102,58
- Qui đổi tấn thông qua		9.016.440	107,58	102,58
- Tổng D.Thu (tỷ đồng):	634	691,777	113,38	109,11
- LN trước thuế (tỷ đồng)	305	339,299	116,86	111,25

+ Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận....

- Chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 tuy nhiên trong năm 2021 hàng hóa xuất nhập khẩu lưu thông tốt hơn năm 2020, sản lượng hàng hóa trong khu vực Hải Phòng có sự tăng trưởng ở mức hai con số

- Tổ chức khai thác hàng hóa tại Bãi container Cảng Đình Vũ có hiệu quả làm tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Công ty đã tiếp thị thêm sản lượng hàng hạ bãi từ các hãng tàu lớn; điều chỉnh giá xếp dỡ đầu trong; tiếp thị thêm các chuyến tàu adhoc, các chuyến tàu vận chuyển hàng trung chuyển và nội địa... tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

- Doanh thu điện lạnh tăng trưởng mạnh bằng 205% so với 2020.

+ *Tình hình thực hiện so với kế hoạch...*

- Chỉ tiêu sản lượng hoàn thành vượt kế hoạch: đạt 102,58% so kế hoạch năm 2021, bằng 107,58% so thực hiện năm 2020.

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 109,11% so kế hoạch năm 2021, bằng 113,38% so thực hiện năm 2020.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: đạt 111,25% so kế hoạch năm 2021, bằng 116,86% so thực hiện năm 2020.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Cao Văn Tĩnh

- Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ, Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN;

- Quá trình công tác:

+ Từ 09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn;

+ Từ 01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2- Cục vũ khí;

+ Từ 08/1992- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải;

+ Từ 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 05/1999- 08/2004: Cán bộ kỹ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng;

+ Từ 09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ;

+ Từ 02/2009- 06/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ;

+ Từ tháng 7/2017 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 6/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

2.1.2 Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh: Ông Triệu Thế Thuận

- Sinh ngày 11/6/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trung - Anh, Cử nhân kinh tế;

- Quá trình công tác:

+ Từ 6/1993 – 5/1996: Hướng dẫn viên Công ty Du lịch Dịch vụ Hải Phòng;

+ Từ 6/1993 – 5/2002: Hướng dẫn viên Chi nhánh Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi Hà Nội tại Hải Phòng;

+ Từ 6/2002 – 9/2002: Trưởng Phòng xuất khẩu lao động – Công ty cung ứng lao động Hải Phòng;

+ Từ 10/2002 – 9/2004: Đại lý viên Công ty dịch vụ hàng hải Phương Đông, Đại lý hàng hải Việt Nam;

+ Từ 10/2004 – 6/2009: Nhân viên chi nhánh Công ty TNHH China Shipping Việt Nam tại Hải Phòng;

+ Từ 7/2009 – 12/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường, Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

+ Từ 01/2010 – 8/2011: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;

+ Từ 9/2011 – 11/2013: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 12/2013 – 8/2014: Phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ 9/2014 – 11/4/2019: Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ 12/4/2019 - đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Tổng số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 0,01% vốn điều lệ.



2.1.3 *Phó Tổng Giám đốc*: Ông Quách Kim Hiến – tạm dừng hợp đồng lao động từ ngày 11/9/2018 đến ngày 21/4/2021 và chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 22/4/2021 theo Quyết định số 76/2021/QĐ-TCTL.

- Số cổ phần sở hữu: 24.800 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 0,062% vốn điều lệ.

2.1.4 *Kế toán trưởng*: Ông Đoàn Minh Trung

- Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán tài chính - cử nhân kế toán tài chính thương mại;

- Quá trình công tác:

+ Từ 10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải phòng;

+ Từ 04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải phòng;

+ Từ 01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải phòng;

+ Từ 10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải phòng;

+ Từ 02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Số cổ phần sở hữu: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 *Những thay đổi trong ban điều hành*: Ông Quách Kim Hiến – Phó Tổng giám đốc Công ty, tạm dừng hợp đồng lao động từ ngày 11/9/2018 đến ngày 20/4/2021 và chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 22/4/2021 theo Quyết định số 76/2021/QĐ-TCTL.

2.3 *Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2021*: 432 người.

2.4 *Tóm tắt chính sách đối với người lao động*:

- Mục tiêu: Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty

- Hành động:

+ Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động;

+ Đảm bảo chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện tốt chế độ thai sản đối với người lao động nữ;

+ Người lao động được tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

+ Người lao động được đào tạo, được nâng cao tay nghề thích hợp với vị trí chức danh công việc. Thực hiện chế độ nâng lương, nâng bậc hàng năm;

+ Chú trọng công tác an toàn – vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh;

+ Tuân thủ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chế độ chính sách đối với người lao động. Trong điều kiện cho phép Công ty áp dụng chế độ chính sách có lợi cho người lao động được pháp luật khuyến khích. Người lao động được bảo đảm mọi quyền lợi quy định trong Pháp luật Lao động, Luật BHXH, Luật BHTN của nước CHXHCN Việt Nam.

- Thay đổi trong năm 2021: Công ty sửa đổi Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể theo quy định mới của Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, theo đó đưa vào Thỏa ước lao động tập thể áp dụng các chính sách đối với người lao động mà Pháp luật không quy định bắt buộc thực hiện nhưng được khuyến khích như việc thanh toán tiền phép khi không nghỉ phép, hỗ trợ cho CBCNV bằng hình thức khác khi không tổ chức tham quan du lịch do tình hình thiên tai, dịch bệnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (10 ³ đồng)	Thực hiện trong năm 2021 (10 ³ đồng)
1	Đầu tư nâng cấp hệ thống mạch vòng TBA số 1, 2, 3	8.130.000	6.101.000
2	Di chuyển, mở rộng cổng số 2	5.914.591	5.385.000
3	Đầu tư 02 cần trục chân đế sức nâng 45 tấn, tầm với lớn nhất 37,5 mét	219.238.000	27.153.351
4	Cải tạo bãi chứa hàng 4,35 ha giáp đường 356	15.542.416	13.568.939

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

3.2.1 Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu:

- Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2011

- Kết quả sản xuất kinh doanh 2021:

+ Doanh thu: 394.747.501.600 đồng tăng 44,84% so với năm 2020;

+ Lợi nhuận trước thuế: 86.063.904.802 đồng tăng 30,74% so với năm 2020;

- Tình hình tài chính:

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2021: 392.204.884.626 đồng tăng 6,96% so với năm 2020;

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2021: 38.225.668.899 đồng tăng 21,99% so với năm 2020;

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2021: 353.979.215.727 đồng tăng 5,55% so với năm 2020.

3.2.2 Công ty cổ phần: Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ

- Bắt đầu hoạt động từ quý I/2012, hiện tại đang thực hiện các thủ tục giải thể Công ty.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.396.134.734.159	1.499.394.833.162	7,40%
Doanh thu thuần	518.185.456.529	608.576.114.303	17,44%
Lợi nhuận từ HĐKD	290.312.523.145	340.876.173.140	17,42%
Lợi nhuận khác	34.048.757	(1.576.349.797)	-4629,68%
Lợi nhuận trước thuế	290.346.571.902	339.299.823.343	16,86%
Lợi nhuận sau thuế	237.680.470.808	277.126.799.699	16,60%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,20	9,25	

- Cổ đông trong nước: 1.733 cổ đông tương đương 35.065.840 cổ phần ứng với 87,66%.

Trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: 33 cổ đông tương đương 28.568.792 cổ phần ứng với 71,42%

+ Cổ đông cá nhân: 1.700 cổ đông tương đương 6.497.048 cổ phần ứng với 16,24%

- Cổ đông nước ngoài: 103 cổ đông tương đương 4.934.160 cổ phần ứng với 12,33%

Trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: 20 cổ đông tương đương 4.516.720 cổ phần ứng với 11,30%

+ Cổ đông cá nhân: 83 cổ đông tương đương 417.440 cổ phần ứng với 1,04%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
2003	55.877.500.000	
2004	101.064.600.000	
2005	103.554.650.000	
2006	155.599.533.625	
2007	193.515.483.625	
2008	200.000.000.000	
2009 đến 2012	200.000.000.000	
2013	400.000.000.000	Cổ phiếu thưởng
2014 đến 2021	400.000.000.000	

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

e. Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty: 6.1

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Tăng cường bảo dưỡng sửa chữa các phương tiện, phân công sản xuất hợp lý để giảm lượng tiêu thụ dầu diesel .

48
TỶ
VẬN
VÀ
CÁ
VỮ
HÀ

- Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn LED để giảm lượng tiêu thụ điện năng.

- Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Hoạt động của Công ty là khai thác Cảng biển nên năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ và vận chuyển container trong đó bao gồm 02 loại năng lượng chính là năng lượng điện và dầu DO.

- Năm 2021 Cảng Đình Vũ tiêu thụ 4.372.960 kWh, điện năng tiêu thụ chủ yếu là phục vụ các thiết bị nâng hạ container ngoài cầu tàu và trong bãi, phần còn lại cấp điện cho hệ thống điện văn phòng, chiếu sáng bãi... hoạt động.

- Cảng Đình Vũ nằm trong danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm vì vậy Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, ban hành các biện pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cụ thể:

+ Đầu tư, nâng cấp thiết bị áp dụng các công nghệ mới (hãm tái sinh, lắp đặt biến tần...) tăng năng suất xếp dỡ hàng hóa giảm tiêu hao, tiết kiệm 15% ÷ 20% điện năng tiêu thụ trong quá trình hoạt động.

+ Lắp đặt timer, cảm biến cho hệ thống chiếu sáng bãi, điều chỉnh thời gian bật tắt các giàn đèn hợp lý theo mùa đảm bảo sử dụng ánh sáng hợp lý.

+ Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng Công ty đã tiến hành thay thế và lắp mới toàn bộ các bóng đèn phục vụ chiếu sáng văn phòng, nhà xưởng bằng hệ thống đèn sử dụng công nghệ Led giúp tiết kiệm điện năng đến 50%.

+ Tuyên truyền toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty nâng cao ý thức tiết kiệm sử dụng điện năng hợp lý trong việc sử dụng các thiết bị điện văn phòng, hệ thống chiếu sáng, điều hòa...

6.3 Tiêu thụ nhiên liệu dầu DO:

- Dầu DO tiêu thụ chủ yếu cho các thiết bị nâng hạ và vận chuyển trong bãi hoạt động, năm 2021 Công ty tiêu thụ 601.850 lit dầu DO. Để giảm thiểu tiêu thụ dầu DO giúp thân thiện với môi trường Công ty cũng đã áp dụng một số biện pháp cụ thể:

+ Thay thế các thiết bị vận chuyển cũ tiêu hao nhiên liệu lớn bằng thiết bị mới tăng năng suất và giảm hao phí nhiên liệu.

+ Đầu tư các thiết bị nâng hạ sử dụng năng lượng điện thay thế các thiết bị sử dụng dầu DO giảm khí thải, thân thiện với môi trường.



+ Ban hành các định mức sử dụng nhiên liệu áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty.

6.4 Tiêu thụ nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch của thành phố - Công ty CP cấp nước Hải Phòng:

- Lượng nước tiêu thụ năm 2021: 6.485 m³.

- Lượng nước tái chế và sử dụng: Do lượng nước Công ty tiêu thụ chủ yếu phục vụ sinh hoạt không tái chế, Công ty đã lắp đặt hệ thống thu gom xử lý nước thải trước khi đổ ra môi trường.

6.5 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Cảng Đình Vũ tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu bảo vệ môi trường với chất thải rắn, lỏng...

Trong năm, Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng người lao động tính đến 31/12/2021: 432 người. Mức lương bình quân: trên 20.000.000 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, bao gồm:

+ Tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế cho người lao động;

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, trong đó nhóm lao động nặng nhọc nguy hiểm 2 lần/ năm;

+ Chủ động tổ chức tiêm vắc-xin COVID-19 sớm và đầy đủ cho người lao động. Cung cấp các vật tư phòng dịch, tổ chức xét nghiệm sàng lọc giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm. Thanh toán lương cho các trường hợp nghỉ cách ly do dịch bệnh;

+ Trích quỹ phúc lợi tổ chức các hoạt động, phong trào văn nghệ, TĐTT, hỗ trợ các trường hợp CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ CBCNV do năm 2021 dịch bệnh phức tạp không tổ chức tham quan du lịch.

c. Hoạt động đào tạo

Công ty đã tổ chức 12 khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 601 lượt CBCNV tham dự. Hàng năm Công ty tổ chức 2 đợt đào tạo nâng bậc nghề cho CBCNV để đảm bảo nâng cao tay nghề hỗ trợ người lao động phát triển nghề nghiệp và thu nhập, năm 2021 Công ty tổ chức đào tạo cho 52 công nhân viên, đào tạo chuyển đổi nghề cho 03 công nhân.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện do địa phương trên địa bàn và Thành phố Hải Phòng phát động, cụ thể:

Ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống dịch Covid-19: 2.000.000.000 đồng;

Ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em thành phố: 20.000.000 đồng;

Quà Tết cho Người già neo đơn Phường Đông Hải 2: 10.000.000 đồng;

Ủng hộ Hội từ thiện Thành phố: 25.000.000 đồng;

Ủng hộ Trường khiếm thính Hải Phòng: 15.000.000 đồng;

Ủng hộ Hội phụ nữ Phường Đồng Quốc Bình: 3.000.000 đồng;

Ủng hộ hội Người tàn tật và Trẻ mồ côi Hải Phòng: 30.000.000 đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Dịch Covid-19 gây tác động không nhỏ đến hoạt động của các cảng biển tại Việt Nam, tuy nhiên năm 2021, lượng hàng hoá thông qua cảng biển vẫn giữ được đà tăng. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đạt gần 647 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020; riêng hàng container vẫn giữ nhịp tăng trưởng mạnh với hơn 18,3 triệu teus, tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

- Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 cũng đã làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, tắc nghẽn nghiêm trọng tại các cảng lớn trên thế giới gây ra sự sụt giảm về năng lực và nguồn cung vận tải. Kéo theo đó cước vận tải cùng với nhu cầu thuê tàu tăng cao nhằm bù đắp cho công suất bị ảnh hưởng.

- Hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, dịch vụ kho bãi, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tình hình thị trường diễn biến phức tạp, gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong SXKD tuy nhiên Công ty vẫn tăng trưởng về sản lượng, lợi nhuận trong năm nhờ sự tăng trưởng sản lượng của các hãng tàu. Giữ vững sự ổn định về việc làm, thu nhập của người lao động, điều này thể hiện sự quyết tâm cao của Ban điều hành và toàn thể CBNV Công ty.

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2021 của Công ty như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện năm 2021 (%)	
			Năm 2020	TH/KH 2021
- Sản lượng Container (teu)	586.000	601.096	107,58	102,58

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện năm 2021 (%)	
			Năm 2020	TH/KH 2021
- Qui đổi tấn thông qua		9.016.440	107,58	102,58
- Tổng D.Thu (tỷ đồng):	634	691,777	113,38	109,11
- LN trước thuế (tỷ đồng)	305	339,299	116,86	111,25

- Những tiến bộ Công ty đạt được:

+ Tình hình đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến các hoạt động SXKD, tuy nhiên trong năm 2021 Công ty vẫn đảm bảo được việc làm cho người lao động, thu nhập năm 2021 cao hơn so với 2020.

+ Bãi container 4,6 hec-ta của Cảng Đình Vũ tại khu công nghiệp Minh Phương sau khi đi vào hoạt động từ tháng 11/2020 đã đạt được những chỉ tiêu ấn tượng: sản lượng năm 2021 đạt 56.539 container, đóng góp vào tổng doanh thu 30 tỷ.

+ Ngày 14/01/2022 tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam, TP. Hà Nội, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông chính thức tổ chức Lễ công bố Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam & Top 10 Công ty uy tín các ngành nghề lĩnh vực. Với thành tích xuất sắc về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ vinh dự được trao Cup và Chứng nhận Top 5 Công ty khai thác cảng uy tín năm 2021 (lần 2).

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Trong năm tài chính tình hình tài sản của Công ty rất tốt tăng 103,26 tỷ so với năm 2020, trong đó tình hình tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 133 tỷ. Tài sản dài hạn của Công ty giảm do trong năm Công ty đầu tư thêm máy móc, nâng cấp cơ sở hạ tầng tăng thêm 25,9 tỷ, trong khi đó khấu hao TSCĐ so với số đầu kỳ giảm 53,8 tỷ.

b. Tình hình nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Công ty vẫn còn tồn tại khoản nợ xấu là Hajin Shipping Co.,Ltd 1,7 tỷ do đã phá sản. Công ty đã trích lập đủ 100% vào chi phí

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao và thân thiện với môi trường;

Xây dựng các phần mềm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh ;

Đào tạo nâng cao trình độ tiếng anh cho cán bộ nhân viên;

Người lao động được thanh toán tiền nghỉ phép trong năm (nếu không nghỉ phép);

Ngoài đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty thường xuyên tổ chức các chuyến đi thăm quan, nghỉ dưỡng, các chương trình văn nghệ, hội thi thể thao để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực.

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận.

- Mở rộng thị trường, có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng.

- Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng phục vụ khách hàng.

- Tích cực tìm kiếm các cơ hội mở rộng lĩnh vực kinh doanh. Hợp tác với các hãng tàu và đối tác phối hợp nghiên cứu các dự án phát triển dịch vụ khác.

- Chuẩn bị nguồn lực cho việc nghiên cứu mở rộng phương án kinh doanh/ hợp tác với các đối tác/ hãng tàu đầu tư tại khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện.

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Căn cứ tình hình thị trường, trên cơ sở năng lực hiện có Công ty xây dựng kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng : 585.000 teus.

3
/ 7
/ T
/ Á
/ V
/ C
/ V
/ Á
/ Á

- Doanh thu : 660 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 320 tỷ đồng.
- Cổ tức dự kiến : từ 25% trở lên.

* Các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch như sau:

a. Về kinh doanh:

- Tổ chức hợp tác với các hãng tàu/ khách hàng tăng cường công tác tiếp thị để phát triển các tuyến dịch vụ và phát triển nguồn hàng để nâng cao sản lượng thông qua cảng.

- Tập trung hỗ trợ cho các hãng tàu đang sử dụng dịch vụ Cảng nhằm giúp họ duy trì và phát triển tuyến dịch vụ.

- Tăng cường công tác thị trường và chăm sóc khách hàng, kết hợp không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động SXKD của Công ty.

b. Về quản lý:

- Tiếp tục ổn định công tác nhân sự trong Công ty, tiếp tục tuyển dụng nhân lực có trình độ cao để có thể đáp ứng được yêu cầu hoạt động và nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

c. Về đầu tư:

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các hạng mục theo kế hoạch, kịp thời đưa vào khai thác nâng cao năng lực xếp dỡ.

- Căn cứ vào kết quả SXKD sẽ đầu tư thay thế dần các thiết bị đã cũ, không phù hợp với khai thác hàng container.

- Chú trọng đầu tư, hoàn thiện dây chuyền xếp dỡ container, nâng cao năng lực xếp dỡ.

d. Về dịch vụ hậu cần cảng và logistics:

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện dự án đầu tư kho bãi, depot khu vực ngoài cảng khi có cơ hội.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Kiểm toán không đưa ra yêu cầu nào phải giải trình.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Về nước thải sinh hoạt và công nghiệp: các nguồn nước xả thải được xử lý theo đúng quy định trước khi xả ra sông và đã được UBND Tp Hải Phòng cấp phép tại văn bản số 192/GP-UBND ngày 18/01/2021 và Công ty sẽ tiến hành định kỳ quan trắc nguồn nước thải với tần suất 3 tháng/lần.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong nhiều năm qua Công ty luôn đặt mục tiêu hàng đầu là chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động theo hướng ngày càng được cải thiện, làm cho người lao động luôn tin tưởng, gắn bó và tận tâm vì sự phát triển của Công ty. Trên thực tế, năm 2021 mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế, chính trị và dịch bệnh trên toàn thế giới diễn biến phức tạp, Công ty vẫn đảm bảo được việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách với nhà nước và thành phố, qua đó tạo ra sự ổn định đời sống của CBCNV Công ty nói riêng và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng nói chung.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường;

Đóng quỹ phòng chống thiên tai của Quận Hải An: 100 triệu đồng.

Huấn luyện diễn tập phòng cháy chữa cháy. Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt;

Diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu;

Xây dựng hệ thống chống sét, chống rò điện;

Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc, nâng cấp làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;

Thực hiện quan trắc môi trường;

Trồng và chăm sóc hệ thống cây xanh toàn Công ty;

Phòng chống dịch bệnh (phun thuốc diệt môi, muỗi, côn trùng);

Thông hút bể phốt thường xuyên;

Thuê đơn vị chuyên môn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn và rác thải;

Thực hiện vệ sinh hàng ngày khu vực bãi Cảng và khu làm việc văn phòng;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động khẩn trương của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2021 Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao;



Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất;

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ;

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách. Các chỉ tiêu sản xuất năm 2021 đã hoàn thành vượt mức so với kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 giao, thể hiện sự quyết tâm trong công tác chỉ đạo của Hội đồng trị và sự cố gắng, hăng say lao động của tập thể cán bộ công nhân viên Cảng Đình Vũ;

Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 là 40% đảm bảo lợi ích cho cổ đông và tuân thủ các quy định về pháp luật chứng khoán;

Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách, do đó thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Phối hợp cùng với Ban điều hành tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngoài việc giữ chân được các khách hàng lớn – khách hàng truyền thống, Công ty còn tiếp thị thêm được một số khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Cảng Đình Vũ;

Phối hợp với Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quy chế, quy định của Công ty. Chỉ đạo Ban điều hành tham mưu xây dựng bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty và tình hình sản xuất thực tế của Công ty;

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động, an ninh trật tự bên Cảng;

Thường xuyên đôn đốc ban điều hành quan tâm đến môi trường làm việc của người lao động, giữ gìn vệ sinh bên cảng xanh – sạch – đẹp. Tuân thủ các biện

02
C
Đ
PH
A

pháp bảo vệ môi trường theo luật định, duy trì và thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2018;

Chỉ đạo và yêu cầu Tổng giám đốc Công ty thực hiện các quy định theo pháp luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết;

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá cước xếp dỡ do quy định mới của Bộ giao thông vận tải và một số cảng mới ra đời có sự cạnh tranh không lành mạnh, nhưng Ban Tổng giám đốc đã có những chiến lược và chính sách kịp thời để giữ được khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất;

Năm 2021 các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế, đặc biệt dịch Covid – 19 bùng phát... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành công ty;

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết đại hội cổ đông 2021, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương và các quy chế nội bộ khác của Công ty;

Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt;

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; do đó, công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng;

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh;

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông và của Hội đồng quản trị, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót;

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền cho phép;

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2021 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư;

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng cũ, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ;

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại;

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành;

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo đúng quy định. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021;

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính;

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, chi tiết như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (bao gồm cả phụ trách quản trị Công ty không chuyên trách) năm 2021 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua: 1.890.000.000 đồng;

- Tổng mức thù lao thực hiện năm 202: 1.890.000.000 đồng.

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường quản trị doanh nghiệp theo những thông lệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;

Giữ vững và phấn đấu tăng trưởng ổn định các chỉ tiêu kinh tế (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức);

Bảo toàn và phát triển vốn, thu hút được vốn đầu tư của các nhà đầu tư chiến lược, ưu tiên các đối tác là doanh nghiệp có lợi ích từ dịch vụ khai thác cảng;

Xây dựng kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp, nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh; có chính sách mềm dẻo trong quan hệ với khách hàng trên cơ sở hợp tác cùng có lợi và phát triển nhằm duy trì những khách hàng hiện có và tiếp cận những khách hàng mới;

Công ty định hướng tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư theo chiều sâu để trở thành một cảng hiện đại, có trình độ quản lý tiên tiến, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển một cách bền vững, từng bước thay đổi công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến thân thiện với môi trường vào quản lý, sản xuất kinh doanh;

Đầu tư mở rộng sản xuất ra khu vực Lạch Huyện, Cát Hải;

Tập trung đầu tư, phát triển hệ thống CNTT theo hướng hiện đại hóa, đưa CNTT trở thành hoạt động xương sống trong hoạt động quản trị và khai thác cảng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty;

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;

Chú trọng công tác nhân lực, tổ chức đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời có kế hoạch để trẻ hóa nguồn nhân lực.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Đến 31/12/2019: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên, cơ cấu và danh sách như sau:

- Cơ cấu:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01;

+ Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 02;

+ Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 03 (bao gồm cả Phó chủ tịch Hội đồng quản trị);

+ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 02 thành viên (Ông Nguyễn Tiến Dũng và Ông Chu Minh Hoàng).

- *Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:*

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương;

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 20% vốn điều lệ tương đương 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Văn Tĩnh

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Việt Hải

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản và các vấn đề khác.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ tham dự
1	Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
2	Nguyễn Tiến Dũng	Phó CT HĐQT	5/5	100%
3	Cao Văn Tĩnh	TV HĐQT	5/5	100%
4	Chu Minh Hoàng	TV HĐQT	5/5	100%

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ tham dự
5	Nguyễn Việt Hải	TV HĐQT	5/5	100%

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

St	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT		11/01/2021	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2020
2	02/NQ-HĐQT		25/01/2021	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý IV/2020, cả năm 2020 và kế hoạch Quý I/2021
3	03/NQ-HĐQT		25/01/2021	Một số nội dung liên quan đến Công ty có vốn góp của Công ty
4	04/NQ-HĐQT		25/01/2021	Về việc rà soát lại các quy chế, quy định của Công ty
5	05/NQ-HĐQT		26/01/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thi công xây dựng công trình sửa chữa cải tạo bãi chứa hàng giáp đường 356
6		01/QĐ-HĐQT	26/01/2021	Về việc phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thi công xây dựng công trình sửa chữa cải tạo bãi chứa hàng giáp đường 356
7		02/QĐ-HĐQT		Về việc ban hành quy chế quản lý tiền lương
8	06/NQ-HĐQT		15/3/2021	Về việc xin Sở KHĐT gia hạn Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
9	09/NQ-HĐQT		06/4/2021	Về việc HĐQT gia hạn ĐHCĐ2021
10	10/NQ-HĐQT		20/4/2021	Về việc miễn nhiệm Ông Quách Kim Hiến
11		03/QĐ-HĐQT	20/4/2021	Về việc miễn nhiệm Ông Quách Kim Hiến



St	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
12	11/NQ-HĐQT		27/4/2021	Thông qua kết quả SXKD Quý I/2021, kế hoạch Quý II/2021
13		04/QĐ-HĐQT	27/4/2021	Về việc giao đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ
14	12/NQ-HĐQT		27/4/2021	Thông qua chủ trương nạo vét khu nước trước bến năm 2021 và thành lập các tổ tham mưu
15		05/QĐ-HĐQT	27/4/2021	Thông qua chủ trương nạo vét duy tu khu nước trước bến năm 2021 và thành lập các tổ tham mưu
16	13/NQ-HĐQT		24/5/2021	Về việc tổ chức họp Đại hội cổ đông năm 2021 bằng hình thức trực tuyến
17	14/NQ-HĐQT			Về việc trình ĐHCĐ thông qua một số vấn đề tại Đại hội
18	16/NQ-HĐQT		29/6/2021	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
19	17/NQ-HĐQT		30/6/2021	Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán, kế hoạch LCNT gói nạo vét duy tu khu nước trước bến năm 2021
20		06/QĐ-HĐQT	30/6/2021	Về việc phê duyệt thiết kế, dự toán, kế hoạch LCNT gói nạo vét duy tu khu nước trước bến năm 2021
21		07/QĐ-HĐQT	19/7/2021	Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
22		08/QĐ-HĐQT	19/6/2021	Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
23		09/QĐ-HĐQT	19/7/2021	Về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
24	19/NQ-HĐQT		20/7/2021	Về việc phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020
25	21/NQ-HĐQT		09/8/2021	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2021, kế hoạch quý 3/2021

St	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
26	124NQ-HĐQT		27/10/2021	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2021, kế hoạch quý 4/2021

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty giao thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng và nhân sự.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

2.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01;

- Thành viên Ban kiểm soát: 02.

2.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát: Bà Trần Thị Thanh Hải

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 5% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm

Số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

2.4 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Trong năm 2021, ban kiểm soát đã tiến hành họp 4 lần (01 lần/quý), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời;

Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty.

2005
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM
N.T.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a. Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Năm 2020	Năm 2021
Nguyễn Tiến Dũng Phó Chủ tịch HĐQT	364.218.000	318.834.000
Chu Minh Hoàng Ủy viên HĐQT	341.454.000	298.904.000
Cao Văn Tĩnh Ủy viên HĐQT	341.454.000	298.904.000
Nguyễn Việt Hải Ủy viên HĐQT	341.454.000	298.904.000
Trần Thị Thanh Hải Trưởng BKS	341.454.000	298.904.000
Cao Xuân Hợp Thành viên BKS	182.109.000	159.415.000
Vũ Hoàng Lâm Thành viên BKS	182.109.000	159.415.000

b. Tiền lương của người quản lý, người điều hành (đồng):

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Tiền lương người quản lý, người điều hành doanh nghiệp	3.444.779.338	3.297.459.547

c. Tiền lương của Tổng giám đốc (đồng):

Họ và tên	Năm 2020	Năm 2021
Cao Văn Tĩnh	1.346.263.214	1.515.451.085

d. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.

d. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

e. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Hội đồng quản trị đã miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Ông Quách Kim Hiến theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 20/4/2021;

Tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật trong công tác quản trị Công ty;

11/03/2021

Các thông tin liên quan đến lợi ích của cổ đông, các báo cáo định kỳ đều được công bố thông tin kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định về pháp luật chứng khoán.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán và ý kiến của kiểm toán được đính kèm báo cáo thường niên này./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, TCKT;
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Văn Tĩnh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-35

TH
CỔ
CH
ANG
A
CÁ

N:0
C
Đ
HÁT
Đ
AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Văn Tĩnh	Ủy viên HĐQT
Ông Chu Minh Hoàng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Việt Hải	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Quách Kim Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Vũ Hoàng Lâm	Thành viên
Ông Cao Xuân Hợp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Cao Văn Tỉnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2022

1517
IGT
PHAI
TUV
ENC
ĐVI
HAI



Số: 080322.007/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được lập ngày 08 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a red circular stamp and the text "V. V. ANH" and "PV".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Càng Đình Vũ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.170.116.888.706	1.037.283.063.190
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.809.393.887	18.265.421.860
111	1. Tiền		32.809.393.887	18.265.421.860
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.024.000.000.000	936.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.024.000.000.000	936.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		99.290.205.084	71.636.945.929
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	57.882.376.686	57.694.464.774
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	28.015.751.174	1.199.310.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.409.768.625	14.735.416.740
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.017.691.401)	(1.992.245.585)
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.580.693.170	9.263.578.099
141	1. Hàng tồn kho		9.580.693.170	9.263.578.099
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.436.596.565	2.117.117.302
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.246.408.465	2.075.952.720
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	41.164.582
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.190.188.100	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		329.277.944.456	358.851.670.969
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		194.986.000	230.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	194.986.000	230.986.000
220	II. Tài sản cố định		164.570.899.091	192.501.201.839
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	164.269.064.154	192.159.120.603
222	- Nguyên giá		1.240.249.803.785	1.214.322.873.049
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.075.980.739.631)	(1.022.163.752.446)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	301.834.937	342.081.236
228	- Nguyên giá		6.235.104.700	6.055.104.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.933.269.763)	(5.713.023.464)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		18.181.818	835.326.455
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	18.181.818	835.326.455
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	137.307.173.950	137.307.173.950
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		137.307.173.950	137.307.173.950
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.186.703.597	27.976.982.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	27.186.703.597	27.976.982.725
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.499.394.833.162	1.396.134.734.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng


Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

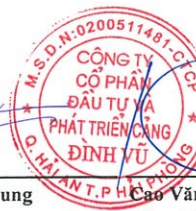
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		126.441.417.839	112.808.118.535
310	I. Nợ ngắn hạn		126.441.417.839	112.808.118.535
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	12.207.301.016	9.164.303.628
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		267.583.056	338.426.861
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.237.262.193	17.012.455.197
314	4. Phải trả người lao động		34.146.556.105	27.714.022.968
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	268.503.223	483.388.124
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.627.217.796	7.886.511.658
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	42.450.000.000	36.838.500.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.236.994.450	13.370.510.099
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.372.953.415.323	1.283.326.615.624
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.372.953.415.323	1.283.326.615.624
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		400.000.000.000	400.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		400.000.000.000	400.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		137.307.173.950	137.307.173.950
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		448.338.970.866	448.338.970.866
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		387.307.270.507	297.680.470.808
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		110.180.470.808	60.000.000.000
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		277.126.799.699	237.680.470.808
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.499.394.833.162	1.396.134.734.159


Lê Thị Hải Thành

Người lập


Đoàn Minh Trung

Kế toán trưởng




Cao Văn Tĩnh

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	608.576.114.303	518.185.456.529
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		608.576.114.303	518.185.456.529
11	4. Giá vốn hàng bán	22	289.207.385.525	268.769.035.998
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		319.368.728.778	249.416.420.531
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	82.414.963.381	91.941.468.454
22	7. Chi phí tài chính	24	254.596.816	337.329.157
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	60.652.922.203	50.708.036.683
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		340.876.173.140	290.312.523.145
31	11. Thu nhập khác	26	786.713.981	34.048.757
32	12. Chi phí khác	27	2.363.063.778	-
40	13. Lợi nhuận khác		(1.576.349.797)	34.048.757
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		339.299.823.343	290.346.571.902
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	62.173.023.644	52.666.101.094
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>277.126.799.699</u>	<u>237.680.470.808</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	6.928	5.942



Lê Thị Hải Thành
Người lập



Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng





Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		625.575.266.534	526.647.002.330
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(147.522.012.765)	(149.582.148.410)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(121.215.839.008)	(100.564.808.978)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(63.740.353.072)	(53.895.983.537)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.012.792.534	4.634.340.288
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(59.512.189.744)	(47.867.632.654)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>234.597.664.479</i>	<i>179.370.769.039</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.078.976.751)	(4.517.355.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.822.000.000.000)	(1.850.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.734.000.000.000	1.669.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.591.986.004
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.255.174.702	89.457.498.033
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(60.823.802.049)</i>	<i>(89.467.870.963)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(159.112.287.750)	(100.818.527.850)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(159.112.287.750)</i>	<i>(100.818.527.850)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>14.661.574.680</i>	<i>(10.915.629.774)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.265.421.860	29.237.214.488
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(117.602.653)	(56.162.854)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>32.809.393.887</u>	<u>18.265.421.860</u>

Lê Thị Hải Thành
Người lập

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo quyết định số 990/QĐ/TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 400.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 400.000.000.000 đồng; tương đương 40.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 431 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 434 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

14
TY
AN
V
NG
VI
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

05
T
TH
EM
S
A

PH
I
A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CH
PH
TOÁN
C
P.P

200
C
P
AU
TTR
TIN
VT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

51
IG
TH
TU
EN
HY
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.22 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và chủ yếu là diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	344.171.464	419.063.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.465.222.423	17.846.358.493
	<u>32.809.393.887</u>	<u>18.265.421.860</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.024.000.000.000	-	936.000.000.000	-
	<u>1.024.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>936.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2021, tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 09 tháng với giá trị 1.024.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,3%/năm.

482
 Y
 N
 VÀ
 CÁN
 Ủ
 11 PP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	137.307.173.950	-	137.307.173.950	-
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ ⁽¹⁾	123.627.173.950	-	123.627.173.950	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ ⁽²⁾	13.680.000.000	-	13.680.000.000	-
	137.307.173.950	-	137.307.173.950	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường Thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (tỷ lệ biểu quyết là 50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.500.000 USD). Tổng số vốn góp của Công ty là 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết. Tại ngày 04/09/2020, Công ty đã chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 01/03/2018 của Hội đồng quản trị. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 49% Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ, tương đương tổng mệnh giá 123.627.173.950 đồng. Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa.

(2) Theo biên bản góp vốn ngày 14 tháng 10 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ với số vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6 % Vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 12 năm 2011 với hoạt động chính của Công ty là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa. Theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 01/10/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua quyết định về việc giải thể Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Hiện tại, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đang trong quá trình thực hiện các thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	325.737.053	-	2.742.325.909	-
- SITC CONTAINER LINES CO., LTD	43.920.500.425	-	39.508.060.929	-
- Công ty TNHH KMTC (Việt Nam)	679.437.105	-	1.753.479.872	-
- Phải thu khách hàng khác	12.956.702.103	(2.017.691.401)	13.690.598.064	(1.992.245.585)
	<u>57.882.376.686</u>	<u>(2.017.691.401)</u>	<u>57.694.464.774</u>	<u>(1.992.245.585)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>1.899.538.440</u>	<u>-</u>	<u>2.253.756.574</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- KOCKS ARDELT KRANBAU GMBH	27.153.351.174	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	862.400.000	-	1.199.310.000	-
	<u>28.015.751.174</u>	<u>-</u>	<u>1.199.310.000</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.874.579.453	-	14.143.152.053	-
Phải thu người lao động	376.799.677	-	377.476.137	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	146.449.153	-	140.038.646	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	992.019	-	647.796	-
Tạm ứng	10.948.323	-	74.102.108	-
	15.409.768.625	-	14.735.416.740	-
b) Dài hạn				
Phải thu người lao động	194.986.000	-	230.986.000	-
	194.986.000	-	230.986.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	198.555.538	138.988.877	1.380.580.210	1.269.771.666
- Hanjin Shipping Co., Ltd	1.749.947.540	-	1.773.845.502	-
- Công ty TNHH COSCO Shipping Lines (Việt Nam)	-	-	1.215.517.503	1.161.679.763
- CMA-CGM SA C/O CMA-CGM VIET NAM JSC	-	-	180.110.253	126.356.454
- Cục Hải Quan Thành Phố Hải Phòng	693.924.000	485.746.800	-	-
	2.642.427.078	624.735.677	4.550.053.468	2.557.807.883

15-
 TY
 HƯ
 M
 S
 N
 E
 PH
 J
 A

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	819.257.255	-	878.549.692	-
Công cụ, dụng cụ	8.761.435.915	-	8.377.328.407	-
Hàng hoá	-	-	7.700.000	-
	9.580.693.170	-	9.263.578.099	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Cải tạo bãi chứa hàng giáp đường 356	-	392.688.454
- Tư vấn kiểm định cầu tàu số 1 lắp đặt cần trục chân đế	18.181.818	18.181.818
- Nâng cấp hệ thống mạch vòng trạm biến áp số 1,2,3	-	238.092.546
- Sửa chữa cải tạo công kiểm soát số 2	-	186.363.637
	18.181.818	835.326.455

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và phần mềm khai thác với nguyên giá là 6.235.104.700 đồng và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 là 5.933.269.763 đồng, giá trị khấu hao trong năm là 220.246.299 đồng.

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.497.754.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	800.857.166	822.997.193
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.341.687.799	1.199.670.678
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	103.863.500	53.284.849
	2.246.408.465	2.075.952.720
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất Khu Công nghiệp Minh Phương (*)	27.118.880.029	27.882.792.145
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.823.568	94.190.580
	27.186.703.597	27.976.982.725

(*) Theo hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTD - MP ký ngày 12 tháng 06 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê 44.417 m² tại Khu Công nghiệp Minh Phương với thời hạn thuê là 43 năm tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2057. Công ty đã trả hết tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê và phân bổ dần vào chi phí theo thời hạn thuê

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	451.774.751.675	624.665.178.415	119.805.572.055	18.077.370.904	1.214.322.873.049
- Mua trong năm	-	394.500.000	-	45.909.091	440.409.091
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.700.926.273	-	5.785.595.372	-	25.486.521.645
Số dư cuối năm	471.475.677.948	625.059.678.415	125.591.167.427	18.123.279.995	1.240.249.803.785
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	374.498.947.910	524.652.166.836	105.554.735.851	17.457.901.849	1.022.163.752.446
- Khấu hao trong năm	16.594.026.409	26.083.334.861	10.700.951.522	438.674.393	53.816.987.185
Số dư cuối năm	391.092.974.319	550.735.501.697	116.255.687.373	17.896.576.242	1.075.980.739.631
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	77.275.803.765	100.013.011.579	14.250.836.204	619.469.055	192.159.120.603
Tại ngày cuối năm	80.382.703.629	74.324.176.718	9.335.480.054	226.703.753	164.269.064.154

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 879.698.661.117 đồng.

4 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dolphin	-	-	2.060.708.100	2.060.708.100
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	-	-	1.390.974.200	1.390.974.200
- Công ty TNHH NAVACO	-	-	896.970.800	896.970.800
- Công ty Cổ phần Vạn Xuân	1.033.287.200	1.033.287.200	1.057.421.200	1.057.421.200
- Công ty Cổ phần Thương Mại Duy Linh	2.819.000.000	2.819.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần xây dựng 203	1.504.720.200	1.504.720.200	-	-
- Công ty Cổ phần Kinh Doanh Đầu Tư và Phát Triển Hà Linh	1.425.013.150	1.425.013.150	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ tàu Biển Đình Vũ	1.421.200.000	1.421.200.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	4.004.080.466	4.004.080.466	3.758.229.328	3.758.229.328
	12.207.301.016	12.207.301.016	9.164.303.628	9.164.303.628
) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	767.036.833	767.036.833	416.224.488	416.224.488

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (*)	-	-	13.502.094.300	12.628.354.353	-	873.739.947
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	16.363.373.379	62.241.420.444	63.740.353.072	-	14.864.440.751
Thuế Thu nhập cá nhân	-	649.081.818	9.606.327.958	9.756.328.281	-	499.081.495
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	5.110.437.900	7.300.626.000	2.190.188.100	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	17.012.455.197	90.463.280.602	93.428.661.706	2.190.188.100	16.237.262.193

(*) Số phải nộp trong năm là số sau khi đã bù trừ thuế GTGT được khấu trừ 15.403.303.274 VND.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Phí dịch vụ bảo vệ, cước điện thoại	268.503.223	483.388.124
	<u>268.503.223</u>	<u>483.388.124</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	440.499.570	464.936.446
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.982.568	12.994.272
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.682.829.350	1.654.129.350
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.490.906.308	5.754.451.590
	<u>7.627.217.796</u>	<u>7.886.511.658</u>

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	26.000.000.000	23.838.500.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	16.450.000.000	13.000.000.000
	<u>42.450.000.000</u>	<u>36.838.500.000</u>

C. T. P.
HẠN
TOÀN
P. H.M. S. C.
*

* U

. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	142.352.013.800	366.162.883.737	262.631.247.279	1.171.146.144.816					
Lãi trong năm trước	-	-	-	237.680.470.808	237.680.470.808					
Phân phối lợi nhuận	-	-	77.131.247.279	(202.631.247.279)	(202.631.247.279)					
Tặng khác	-	-	5.044.839.850	-	5.044.839.850					
Giảm khác	-	(5.044.839.850)	-	-	(5.044.839.850)					
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	297.680.470.808	1.283.326.615.624					
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	297.680.470.808	1.283.326.615.624					
Lãi trong năm nay	-	-	-	277.126.799.699	277.126.799.699					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(187.500.000.000)	(187.500.000.000)					
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	137.307.173.950	448.338.970.866	387.307.270.507	1.372.953.415.323					

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 15/NQ - ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100%	297.680.470.808
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành	9,24%	27.500.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 40% vốn điều lệ)	53,75%	160.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	37,01%	110.180.470.808

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 05/01/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 với tỷ lệ: 15%/mệnh giá bằng tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	51,00%	204.000.000.000	51,00%	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Nông Sản	18,70%	74.800.000.000	18,70%	74.800.000.000
Halley Sicav - Halley Asian	4,78%	19.126.300.000	5,16%	20.626.300.000
Các cổ đông khác	25,52%	102.073.700.000	25,14%	100.573.700.000
	100%	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>400.000.000.000</i>	<i>400.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>400.000.000.000</i>	<i>400.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>1.654.129.350</i>	<i>2.472.657.200</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>160.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>160.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(159.971.300.000)</i>	<i>(100.818.527.850)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>(159.971.300.000)</i>	<i>(100.818.527.850)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>1.682.829.350</i>	<i>1.654.129.350</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	448.338.970.866	448.338.970.866
	448.338.970.866	448.338.970.866

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Cam kết thuê hoạt động

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất tại phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng với diện tích là 221.415 m² với thời hạn thuê là 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ quyết định số 4120/QĐ - CT của Cục thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm kể từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020. Sau thời gian được miễn giảm tiền thuê đất, Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

- Hợp đồng thuê đất số 27/2025/HĐTĐ - MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương với tổng diện tích đất thuê là 44.417 m², thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).
(Xem thêm tại Thuyết minh số 12).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	379.320,37	379.320,37
- Đồng Euro (EUR)	5,14	5,14

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	608.576.114.303	518.185.456.529
	608.576.114.303	518.185.456.529
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)	16.577.445.386	6.864.115.202

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	289.207.385.525	268.769.035.998
	289.207.385.525	268.769.035.998

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	48.845.308.493	59.259.578.794
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.547.146.154
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.732.745.664	29.415.372.662
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.836.909.224	1.719.370.844
	82.414.963.381	91.941.468.454
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	30.732.745.664	29.415.372.662

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	143.887.281	169.761.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	110.709.535	167.567.471
	<u>254.596.816</u>	<u>337.329.157</u>

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.686.975	13.417.867
Chi phí nhân công	43.377.712.769	34.359.637.253
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.310.752.275	3.223.769.378
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	25.445.816	(1.116.857.751)
Chi phí khác bằng tiền	14.843.324.368	14.228.069.936
	<u>60.652.922.203</u>	<u>50.708.036.683</u>

26 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Tiền phạt thu được	276.545.455	-
Thu nhập khác	510.168.526	34.048.757
	<u>786.713.981</u>	<u>34.048.757</u>

27 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Ứng hộ quỹ vaccin phòng chống dịch covid 19	2.000.000.000	-
Nộp quỹ phòng chống thiên tai năm 2021	100.000.000	-
Tiền truy thu và phạt thuế	263.063.778	-
	<u>2.363.063.778</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	339.299.823.343	290.346.571.902
Các khoản điều chỉnh tăng	2.298.040.540	2.399.306.230
- Chi phí không hợp lệ	2.187.331.005	2.135.653.280
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	110.709.535	263.652.950
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.732.745.664)	(29.415.372.662)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(30.732.745.664)	(29.415.372.662)
Thu nhập chịu thuế TNDN	310.865.118.219	263.330.505.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	62.173.023.644	52.666.101.094
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	68.396.800	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	16.363.373.379	17.593.255.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(63.740.353.072)	(53.895.983.537)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	14.864.440.751	16.363.373.379

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	277.126.799.699	237.680.470.808
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	277.126.799.699	237.680.470.808
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.928	5.942

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.832.800.311	16.814.517.166
Chi phí nhân công	152.630.916.898	126.756.041.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.037.233.484	61.531.043.502
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	25.445.816	(1.116.857.751)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.179.155.437	50.918.891.653
Chi phí khác bằng tiền	64.154.755.782	64.573.436.884
	<u>349.860.307.728</u>	<u>319.477.072.681</u>

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.809.393.887	-	18.265.421.860	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.487.131.311	(2.017.691.401)	72.660.867.514	(1.992.245.585)
Các khoản cho vay	1.024.000.000.000	-	936.000.000.000	-
	<u>1.130.296.525.198</u>	<u>(2.017.691.401)</u>	<u>1.026.926.289.374</u>	<u>(1.992.245.585)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	19.834.518.812	17.050.815.286
Chi phí phải trả	268.503.223	483.388.124
	<u>20.103.022.035</u>	<u>17.534.203.410</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.809.393.887	-	-	32.809.393.887
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.274.453.910	194.986.000	-	71.469.439.910
Các khoản cho vay	1.024.000.000.000	-	-	1.024.000.000.000
	<u><u>1.128.083.847.797</u></u>	<u><u>194.986.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.128.278.833.797</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.265.421.860	-	-	18.265.421.860
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.437.635.929	230.986.000	-	70.668.621.929
Các khoản cho vay	936.000.000.000	-	-	936.000.000.000
	<u>1.024.703.057.789</u>	<u>230.986.000</u>	<u>-</u>	<u>1.024.934.043.789</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.834.518.812	-	-	19.834.518.812
Chi phí phải trả	268.503.223	-	-	268.503.223
	<u>20.103.022.035</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>20.103.022.035</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.050.815.286	-	-	17.050.815.286
Chi phí phải trả	483.388.124	-	-	483.388.124
	<u>17.534.203.410</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>17.534.203.410</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨCảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên doanh
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu	16.577.445.386	6.864.115.202
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	16.253.338.086	408.417.157
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	6.307.088.045
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	324.107.300	148.610.000
Nhận Cổ tức	30.732.745.664	29.415.372.662
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	30.732.745.664	29.415.372.662

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.899.538.440	2.253.756.574
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.822.293.360	2.222.505.574
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	77.245.080	31.251.000
Phải trả người bán	767.036.833	416.224.488
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	767.036.833	416.224.488

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
		VND	VND
Thù lao từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát	Chức vụ		
Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch HĐQT	-	-
Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	318.834.000	364.218.000
Chu Minh Hoàng	Ủy viên HĐQT	298.904.000	341.454.000
Cao Văn Tĩnh	Ủy viên HĐQT	298.904.000	341.454.000
Nguyễn Việt Hải	Ủy viên HĐQT	298.904.000	341.454.000
Trần Thị Thanh Hải	Trưởng BKS	298.904.000	341.454.000
Cao Xuân Hợp	Thành viên BKS	159.415.000	182.109.000
Vũ Hoàng Lâm	Thành viên BKS	159.415.000	182.109.000
Tiền lương người quản lý, người điều hành doanh nghiệp		3.297.459.547	3.444.779.338
Tiền lương của Tổng giám đốc			
Cao Văn Tĩnh		1.515.451.085	1.346.263.214

3-C
 TỶ
 TÍNH
 TỐT
 C
 10 P

1487-
 TỶ
 AN
 IVA
 N CÁN
 VŨ
 HẢI P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Hải Thành
Người lập



Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng



Cao Văn Tĩnh
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2022



the 1990s, the number of people with a mental health problem has increased in the UK, and the number of people with a mental health problem who are in contact with mental health services has also increased (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem, and to reduce the stigma and discrimination that they experience. This has led to a number of initiatives, including the development of mental health services that are more user-centred and that are more focused on the needs of people with a mental health problem (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

One of the key areas of focus is the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).

There is a growing awareness of the need to improve the lives of people with a mental health problem who are in contact with mental health services. This includes people who are in contact with mental health services through the criminal justice system, and people who are in contact with mental health services through the health care system (Mental Health Act 1983, 1990, 1994, 1997, 2003).